TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2018/HS-PT
Ngày: 27-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Phạm Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Trang là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lương Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 45/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Thị Ngọc B do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2017/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị Ngọc B, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1990 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Giám đốc DNTN nhà hàng X; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị H; Chồng: Tăng Ngọc T, sinh năm: 1987; con: có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 25-10-2016 đến ngày 31-10-2016 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Bích T, là luật sư Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình làm kế toán tại Doanh nghiệp tư nhân nhà hàng A, Phạm Thị Ngọc B nảy sinh ý định thành lập Doanh nghiệp để bán trái phép hóa đơn thu lợi bất chính. Xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân nên Phạm Thị Ngọc B làm hồ sơ xin thành lập Doanh nghiệp tư nhân nhà hàng X, do Phạm Thị Ngọc B làm chủ doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh tại địa điểm tổ A, phường Q, thành phố Q, ngành nghề kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

Từ khi thành lập doanh nghiệp, B không tổ chức hoạt động kinh doanh ở bất cứ địa điểm nào trên địa bàn thành phố Q, địa điểm kinh doanh mà B đăng ký tại tổ A, phường Q, thành phố Q là không có thật, nhưng B đã lợi dụng quán ăn "X Quán" của bà Nguyễn Thị X đang hoạt động tại tổ A, phường Q, thành phố Q để xin mua 04 tập hóa đơn bán hàng (không có thuế giá trị gia tăng), mà áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng trực tiếp trên hóa đơn tại Chi cục thuế thành phố Q, mỗi tập có 50 số hóa đơn x 04 tập bằng 200 số hóa đơn. Trong thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2014 B đã trực tiếp xuất bán 164 số hóa đơn trái phép. Phạm Thị Ngọc B không kinh doanh nên không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước, nhưng B tự kê khai, tự báo cáo nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp từ tháng 3 đến tháng 9/2014 và tự nộp các loại thuế cho ngân sách nhà nước tại Chi cục thuế thành phố Q với tổng số tiền là: 31.696.257 đồng. Trong đó: Thuế môn bài 2.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 28.695.000 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 887.527 đồng và nộp phạt chậm nộp thuế là 113.730 đồng. Đến ngày 07/7/2016 Phạm Thị Ngọc B làm thủ tục giải thể doanh nghiệp tư nhân nhà hàng X.

Trong 164 (một trăm sáu mươi bốn) số hóa đơn B đã xuất bán trái phép cho 23 (hai mươi ba) đơn vị, với tổng số tiền mà B đã kê khai trên bảng kê hóa đơn chứng từ dịch vụ bán ra từ tháng 3 đến tháng 9/2014 là 954.699.637 đồng (chín trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi bảy đồng). Tất cả các số hóa đơn (tờ hóa đơn bản gốc liên 2) mà B đã xuất bán cho 23 (hai mươi ba) doanh nghiệp, đơn vị thì nội dung, tên doanh nghiệp, mã số thuế do người mua cung cấp thông tin cho B, B là người trực tiếp viết và ký hóa đơn của người bán hàng, B giao hóa đơn và nhận tiền bán hóa đơn của những người mua hóa đơn của B. Cụ thể:

**** Đối với 08 đơn vị, doanh nghiệp B xuất bán trái phép 129 hóa đơn có thu tiền:***

- Chi nhánh Công ty CP Dược H tại Quảng Ngãi và Công ty CP Dược H, B đã xuất bán trái phép 20 tờ hóa đơn, nhưng thực tế chỉ bán là 19 tờ hóa đơn liên 02, còn 01 tờ hóa đơn liên 02 số 0016614 ngày 02/6/2014 số tiền 3.500.000 đồng xuất cho Công ty CP Dược H do người mua không lấy, không sử dụng cho nên B bỏ hóa đơn này (hiện nay số hóa đơn liên hai giao cho người mua đã mất). Tổng số tiền của 19 hóa đơn là 303.270.000 đồng, thu lợi bất chính 15.163.500 đồng.

- Ngân Hàng TMCP Đ - Chi nhánh Quảng Ngãi, B đã bán trái phép 12 tờ hóa đơn liên hai giao cho người mua, tổng số tiền theo hóa đơn 93.550.637 đồng, thu lợi bất chính 3.745.000 đồng.

- Ngân Hàng TMCP C - Chi nhánh Quảng Ngãi, B đã bán trái phép 23 tờ hóa đơn liên 02, tổng số tiền theo hóa đơn 134.939.000 đồng, Thu lợi bất chính 6.755.000VNĐ.

- Ngân Hàng TMCP N - Chi nhánh Quảng Ngãi, B đã bán trái phép 13 tờ hóa đơn liên 02, nhưng thực tế B chỉ lấy tiền 12 tờ hóa đơn, còn 01 tờ số 0084905 ngày 04/7/2014 với số tiền 470.000 đồng do người mua không lấy nên B bỏ hóa đơn này (hiện nay hóa đơn lên 02 này đã mất). Tổng số tiền của 12 hóa đơn là 38.952.000 đồng, để thu lợi bất chính 1.949.000 đồng.

- Công ty Bảo hiểm P, B đã bán trái phép 42 tờ hóa đơn liên 02, tổng số tiền theo hóa đơn 162.854.000 đồng, để thu lợi bất chính 6.383.000 đồng.

- Công ty cổ phần O, B đã bán trái phép 16 tờ hóa đơn liên 02, tổng số tiền theo hóa đơn 52.707.000 đồng, để thu lợi bất chính là: 2.109.000 đồng.

- Công ty Cổ phần thiết bị Y Quảng Ngãi, B đã bán cho ông Huỳnh Hà T 03 tờ hóa đơn liên 02 với tổng số tiền trong hóa đơn là 18.025.000 đồng, để thu lợi bất chính là: 540.000 đồng.

Hiện tất cả các đơn vị này đã làm thủ tục điều chỉnh và xuất toán số tiền trên. Tổng số tiền B thu lợi bất chính là 36.644.500 đồng.

*** Đối với 15 đơn vị B xuất khống 35 hóa đơn nhưng không thu tiền:**

- Công ty cổ phần T Quảng Ngãi, B xuất 01 tờ hóa đơn liên 02 số tiền là 1.785.000 đồng. Hiện nay Công ty này đã điều chỉnh và xuất toán khỏi chi phí năm 2014 của công ty.

- Đảng ủy phường Q có chi phí tiếp khách, nhưng không có chứng từ thanh toán, anh Lê Đình T có xin của bạn mình 01 tờ hóa đơn với số tiền theo hóa đơn là 4.725.000 đồng để làm chứng từ thanh toán**,** nhưng do hóa đơn bất hợp pháp, nên đã hoàn trả lại số tiền trên cho Đảng ủy phường Q**.**

- Công ty Cổ phần I, B xuất 02 tờ hóa đơn, tổng tiền theo hóa đơn là 15.000.000 đồng, đến nay đơn vị này đã điều chỉnh và xuất toán số tiền trên.

- Xí nghiệp C, B xuất cho đơn vị này 02 tờ hóa đơn, tổng tiền theo hóa đơn là 4.802.000 đồng, nhưng qua xác minh Xí nghiệp này chỉ cung cấp 01 hóa đơn với số tiền là 2.252.000 đồng do anh Nguyễn Tấn T sử dụng thanh toán chi phí tiếp khách. Hiện đơn vị đã làm thủ tục điều chỉnh xuất toán khoản tiền trên ra khỏi chi phí của Xí nghiệp.

- Công ty TNHH V có sử dụng 04 tờ hóa đơn liên 02 tổng tiền theo hóa đơn là 26.700.000 để thanh toán chi phí tiếp khách, do anh Trần Nhất L ký vào người mua hàng trong hóa đơn, nhưng không xác định được có mua hóa đơn hay không. Hiện đơn vị đã làm thủ tục điều chỉnh và xuất toán khoản tiền trên ra khỏi chi phí vào năm 2014.

- Công ty cổ phần P Quảng Ngãi, B xuất khống cho đơn vị này số lượng 06 tờ hóa đơn liên 02 với tổng tiền theo hóa đơn là 14.800.000 đồng. Nhưng đơn vị này chỉ sử dụng 05 hóa đơn với tổng số tiền trên hóa đơn là 12.300.000 đồng để thanh toán chi phí cho 03 nhân viên trong đơn vị, còn lại 01 hóa đơn với số tiền 2.500.00o đồng, đơn vị không sử dụng. Hiện nay đơn vị này đã làm thủ tục điều chỉnh xuất toán số tiền trên.

- Ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng huyện T, anh Nguyễn Văn Q đã xin 01 tờ hóa đơn liên 02 với số tiền là 2.751.000 đồng để thanh toán chi phí tiếp khách, nhưng do hóa đơn bất hợp pháp, nên đã hoàn trả lại số tiền trên cho Ban quản lý dự án.

- Chi nhánh Tổng công ty D tại Hà Nội, B xuất 07 tờ hóa đơn liên 02 với tổng tiền theo hóa đơn là 46.220.000 đồng. Đơn vị này chỉ sử dụng 06 tờ hóa đơn để thanh toán chi phí với tổng số tiền là 38.060.000 đồng. Hiện đơn vị này đã làm thủ tục điều chỉnh và xuất toán ra khỏi chi phí năm 2014, còn lại 01 hóa đơn với số tiền ghi trên hóa đơn là 8.160.000 đồng, đơn vị này không sử dụng.

- Công ty TNHH N, B xuất 01 tờ hóa đơn liên 02 số tiền là 1.200.000 đồng cho anh Nguyễn Hồng S về thanh toán chi phí tiếp khách tại Quảng Ngãi. Hiện Công ty đã làm thủ tục điều chỉnh và xuất toán số tiền trên.

- Công ty Cổ phần D Quảng Ngãi, B xuất 01 hóa đơn liên 02 là 1.910.000 đồng, bà Võ Thị Bích H là văn thư Công ty xác định bà có ký vào người mua hàng để thanh toán chi phí, nhưng không biết ai là người trong Công ty đưa cho bà để thanh toán chi phí. Hiện Công ty đã làm thủ tục điều chỉnh và xuất toán ra khỏi chi phí năm 2014.

- Công ty TNHH G, B xuất 01 hóa đơn liên 02 là 12.000.000 đồng, bà Huỳnh Kim N là nhân viên Công ty thanh toán. Hiện Công ty đã làm thủ tục điều chỉnh và xuất toán số tiền trên.

- Ngoài ra B xuất khống cho Chi nhánh Công ty TNHH S tỉnh Quảng Ngãi 02 tờ hóa đơn với tổng tiền theo hóa đơn là 7.450.000 đồng. Kho bạc nhà nước

huyện S 01 tờ hóa đơn với số tiền là 3.315.000 đồng.Trung tâm V tỉnh Quảng Ngãi B cũng xuất khống 03 tờ hóa đơn tổng tiền theo hóa đơn là 20.000.000 đồng. Tổng 03 đơn vị này là 06 hóa đơn, qua điều tra các đơn vị này xác định không có sử dụng hóa đơn bán hàng của Doanh nghiệp tư nhân nhà hàng X để thanh toán nên không thu giữ được bản gốc hóa đơn liên 2.

- Đối với Hội B Việt Nam, địa chỉ Hà Nội (khi B xuất hóa đơn B không có ghi địa chỉ cụ thể) 02 tờ hóa đơn tổng tiền theo hóa đơn là 5.994.000 đồng; vì không có địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh và không thu giữ được bản gốc hóa đơn liên 02.

Trong 15 đơn vị B xuất khống 35 hóa đơn của Doanh nghiệp tư nhân nhà hàng X cho các cá nhân của những đơn vị trên để thanh toán chi phí, B khai trong quá trình làm kế toán cho nhà hàng A có một số khách quen khi thanh toán tiền ăn thừa so với tiền thực tế phải thanh toán, nhưng khách không lấy mà cho B. Sau đó những người này có đến quán A xin hóa đơn nên B xuất hóa đơn của Doanh nghiệp tư nhân nhà hàng X cho họ chứ không lấy tiền. Qua điều tra những người và các đơn vị có liên quan nêu trên không xác định được số tiền mua hóa đơn của B, nên không có căn cứ để xác định tiền thu lợi bất chính của 35 hóa đơn mà B đã xuất cho 15 đơn vị này.

Trong quá trình điều tra đã thu giữ được tổng số 152 bản gốc hóa đơn liên 2 mà các đơn vị trên sử dụng làm chứng từ thanh toán chi phí trong năm 2014. So với bản kê khai thuế B đã nộp cho Cơ quan thuế là 164 hóa đơn, nhưng chỉ thu giữ được 152 tờ hóa đơn liên 2, còn lại 12 tờ hóa đơn có ghi đơn vị được xuất nhưng thực tế các đơn vị này không sử dụng nên không thu giữ được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2017/HSST ngày 26-12-2017, Toà án nhân dân thành phố Q quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Ngọc B phạm tội *"Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ"*.

Áp dụng: điểm d, g khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Thị Ngọc B 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án. Được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 25/10/2016 đến ngày 31/10/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05-01-2018, bị cáo Phạm Thị Ngọc B có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án, xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị Ngọc B về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" theo điểm d, g khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo có 2 tình tiết định khung hình phạt và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tất cả các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên xử phạt bị cáo 12 tháng tù, là mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt, nên không nặng. Đồng thời, bị cáo đang bị truy tố trong một vụ án khác về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước", do đó, bị cáo thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 26-12-2017 của Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến của luật sư bào chữa tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị Ngọc B về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ và đang mang thai 6 tháng. Gia đình bị cáo có công với Nước. Số tiền thu lợi bất chính không lớn và bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội tự cải tạo, ở nhà sinh con và chăm sóc con nhỏ, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị Ngọc B giữ nguyên nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Phạm Thị Ngọc B, vì muốn thu lợi bất chính đã đăng ký thành lập Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) nhà hàng X nhằm bán trái phép hóa đơn cho các đơn vị có nhu cầu để thu lợi. Từ khi thành lập vào năm 2014, DNTN nhà hàng X không có hoạt động kinh doanh tại địa điểm đã đăng ký hay bất cứ địa điểm nào. Nhưng, bị cáo Phạm Thị Ngọc B đã xuất 164 hóa đơn liên 2, trong đó Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được 152 hóa đơn đã ghi nội dung với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 954.699.637 đồng. Trong tổng số 164 hóa đơn B xuất ra cho các đơn vị, có một số hóa đơn không được các đơn vị sử dụng hoặc đơn vị kinh doanh thua lỗ, thuộc diện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp nên không làm thiệt hại ngân sách nhà nước, số tiền thực tế ghi trên hóa đơn còn lại được các đơn vị sử dụng để thanh toán chi phí cho doanh nghiệp và gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước là 127.906.837 đồng.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 26/6/2013 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính – kế toán và chứng khoán, thì hành vi của bị cáo Phạm thị Ngọc B là đã bán hóa đơn đã ghi nội dung, nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo với số lượng hóa đơn, chứng từ rất lớn, đặc biệt lớn (từ 30 số trở lên) và gây hậu quả nghiêm trọng (gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm d, g khoản 2 điều 164a Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, thấy rằng: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự, quản lý kinh tế của Nhà nước, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Bị cáo kháng cáo với lý do, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; biết ăn năn, hối cải, nuôi con nhỏ và đang mang thai. Tuy nhiên, các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo và xử phạt bị cáo 12 tháng tù là phù hợp. Đồng thời, bị cáo hiện đang bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố về tội "Mua, bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" trong một vụ án khác. Căn cứ Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo, thì bị cáo thuộc trường hợp không được cho hưởng án treo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của luật sư bào chữa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bị cáo Phạm Thị Ngọc B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Ngọc B, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 26-12-2017, Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: điểm d, g khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Thị Ngọc B **12 (mười hai) tháng tù** về tội *"Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/10/2016 đến ngày 31/10/2016.

2. Bị cáo Phạm Thị Ngọc B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thành phố Q;
- TAND thành phố Q;
- Công an thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé